

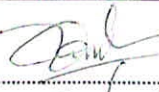
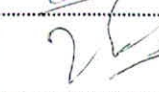
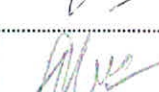
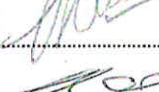
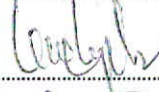
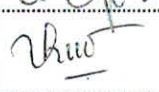
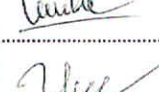
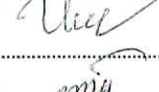
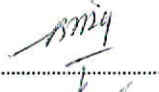
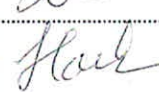
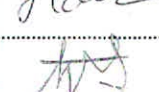
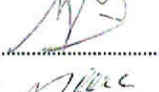
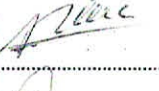
**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI HUYỆN KRÔNG BÔNG**

Thi phần V.1: Một số kỹ năng cơ bản trong LĐ, QL của cán bộ LĐ, QL ở cơ sở

Ngày thi: 04 tháng 9 năm 2019;

Thời gian làm bài: 15 phút

Địa điểm thi : Trung tâm BDCT huyện Krông Bông

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Trần Quốc Anh	09/11/1981	02		60	72,5	Đáng, hai năm
02	Y Sinh BDap	25/01/1979	02		42	70	Đáng
03	Trần Đình Bình	16/02/1972	02		35	75	Đáng, hai năm
04	Nguyễn Tấn Cần	20/6/1975	02		61	72,5	Đáng, hai năm
05	Lê Phước Cảnh	06/6/1981	02		48	71,5	Đáng, hai năm
06	Trần Thị Kim Cúc	27/9/1988	02		69	77,5	Đáng, hai năm
07	Nguyễn Văn Đạo	16/3/1983	02		58	75	Đáng, hai năm
08	H' Nách Dĩnh	22/5/1987	02		5	80	Tam
09	Phạm Văn Đồng	25/8/1971	02		53	75	Đáng, hai năm
10	Trần Thị Mỹ Dung	26/9/1972	02		6	80	Tam
11	H' Hậu Êban	10/9/1985	02		39	77,5	Đáng, hai năm
12	Đỗ Trọng Giáp	30/10/1981	02		67	72,5	Đáng, hai năm
13	Phạm Văn Giáp	28/01/1973	02		43	77,5	Đáng, hai năm
14	Nguyễn Thị Hà	02/4/1972	02		34	75	Đáng, hai năm
15	Lê Văn Hải	26/11/1985	02		21	80	Tam
16	Hồ Văn Hạnh	18/01/1981	02		8	75	Đáng, hai năm

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
17	Lê Thị Hạnh	22/4/1984	02		29	80	Tam
18	Trần Thị Hạnh	10/02/1980	03		40	77.5	Bảy, bảy năm
19	Trần Đại Hiền	10/4/1979	02		26	75	Bảy, năm
20	Ngô Văn Hoa	21/9/1973	02		33	80.5	Tam, hai năm
21	Phan Thị Kim Hòa	29/12/1972	02		42	80	Tam
22	Hồ Thị Hoàn	02/12/1978	02		32	80	Tam
23	Hồ Đức Hoàng	04/10/1969	02		3	77.5	Bảy, bảy năm
24	Nguyễn Thị Mỹ Hội	04/4/1975	02		9	80	Tam
25	Lê Ngọc Hùng	02/3/1968	02		10	80	Tam
26	Bùi Văn Hưng	02/12/1977	03		25	87.5	Tam, bảy năm
27	Nguyễn Thị Ngọc Hương	16/10/1983	02		51	75	Bảy, năm
28	Trần Thị Thanh Hương	15/8/1984	02		19	80	Tam
29	Trần Văn Huy	29/4/1979	02		55	75	Bảy, năm
30	Lưu Văn Khánh	12/10/1981	02		52	72.5	Bảy, hai năm
31	Huỳnh Ngọc Kỳ	01/11/1980	03		24	70.5	Bảy, hai năm
32	Nguyễn Công Lam	09/9/1977	03		63	77.5	Bảy, bảy năm
33	Nguyễn Thị Tuyết Lan	20/02/1979	03		20	82.5	Tam, hai năm
34	Phạm Thái Linh	09/6/1978	02		27	80	Tam
35	Đoàn Văn Loát	12/6/1966	02		64	77.5	Bảy, bảy năm
36	Lê Trương Long	01/7/1973	02		36	72.5	Bảy, hai năm
37	Đinh Thị Tuyết Mai	28/10/1988	NGHỈ HỌC				
38	Đoàn Thị Mên	29/12/1978	02		11	80	Tam
39	Lộc Xuân Nghĩa	11/4/1975	02		7	77.5	Bảy, bảy năm

SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
40	Đoàn Hữu	Nhi	01/01/1968	02	<i>Đoàn Hữu</i>	46	75	Đúng, năm
41	Nguyễn Thanh	Phong	04/5/1967	02	<i>Nguyễn Thanh</i>	50	75	Đúng, hai năm
42	Phan Minh	Phước	01/01/1981	02	<i>Phan Minh</i>	49	80	Tam
43	Nguyễn Thị	Phương	22/01/1984	03	<i>Nguyễn Thị</i>	23	85	Tam, hai năm
44	Mã Thị	Qua	15/10/1977	02	<i>Mã Thị</i>	70	75	Đúng, hai năm
45	Tạ Quang	Quý	02/10/1969	02	<i>Tạ Quang</i>	37	75	Đúng, hai năm
46	Hoàng Ngọc	Quỳnh	23/8/1987	02	<i>Hoàng Ngọc</i>	28	80	Tam
47	Nguyễn Minh	Sơn	20/8/1967	02	<i>Nguyễn Minh</i>	52	75	Đúng, năm
48	Nguyễn Thị	Tâm	12/07/1986	03	<i>Nguyễn Thị</i>	17	85	Tam, hai năm
49	Huỳnh Văn	Tào	03/7/1978	03	<i>Huỳnh Văn</i>	30	85	Tam, hai năm
50	Lương Xuân	Tạo	03/02/1985	02	<i>Lương Xuân</i>	17	75	Đúng, năm
51	Lương Hữu	Thanh	20/9/1975	03	<i>Lương Hữu</i>	1	85	Tam, năm
52	Nguyễn Văn	Thịnh	17/4/1974	03	<i>Nguyễn Văn</i>	65	75	Đúng, năm
53	Lương	Thôi	01/02/1968	03	<i>Lương</i>	2	80	Tam
54	Trần Minh	Thuận	25/10/1988	03	<i>Trần Minh</i>	45	85	Tam, hai năm
55	Phạm Thị Lệ	Thủy	26/9/1986	03	<i>Phạm Thị Lệ</i>	46	85	Tam, hai năm
56	Nguyễn Hà	Triện	10/8/1981	02	<i>Nguyễn Hà</i>	43	75	Đúng, năm
57	Lã Thành	Trung	27/7/1977	02	<i>Lã Thành</i>	18	75	Đúng, năm
58	Nguyễn Thế	Tuấn	07/6/1986	02	<i>Nguyễn Thế</i>	57	75	Đúng, năm
59	Trần Thị Ánh Hồng	Tuyết	20/8/1980	02	<i>Trần Thị Ánh Hồng</i>	44	80	Tam
60	Trần Anh	Toàn	10/02/1989	02	<i>Trần Anh</i>	59	75	Đúng, hai năm
61	Hà Huy	Tùng	26/12/1985	02	<i>Hà Huy</i>	62	75	Đúng, năm
62	Hồ Thị Thu	Vân	04/9/1977	02	<i>Hồ Thị Thu</i>	44	75	Đúng, năm

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
63	Huỳnh Thị Vân	10/10/1977	03	<i>[Signature]</i>	38	80	Tam
64	Trần Thị Vy	21/7/1987	03	<i>[Signature]</i>	31	8,5	Tam; hai năm
65	Dương Xuân Vỹ	16/01/1981	02	<i>[Signature]</i>	64	7,5	Bảy; bảy năm
66	Đỗ Thị Thúy Xuân	04/7/1988	2	<i>[Signature]</i>	68	7,5	Bảy; bảy năm
67	Nguyễn Dục	15/12/1973	NGHỈ HỌC				
68	Nguyễn Minh Hải	16/9/1986	02	<i>[Signature]</i>	4	7,5	Bảy; năm
69	Nguyễn Trọng Hà	16/9/1987	03	<i>[Signature]</i>	15	8,5	Tam; hai năm
70	Phan Văn Tuấn	15/3/1985	02	<i>[Signature]</i>	22	7,5	Bảy; bảy năm
71	Nguyễn Ngọc Thảo	20/10/1979	3	<i>[Signature]</i>	56	7,0	Bảy
72	Nguyễn Hữu Thắng	10/10/1984	02	<i>[Signature]</i>	23	7,5	Bảy; bảy năm

Tổng số : 157 tờ/ 70 bài

GIÁM THỊ 1

GIÁM THỊ 2

[Signature]
Đoàn Thị Mai
Ngày 15 tháng 10 năm 2019
NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh
Ngày 14 tháng 10 năm 2019
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Văn Sĩ

[Signature]
Đoàn Thị Mai

BAN GIÁM HIỆU
[Signature]
NGO SƯ

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
NGO HOÀN THƯ

[Signature]
Lê Duyết Hà